

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/06/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	<b>Số năm</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 45 năm
Máy móc thiết bị	05 - 15 năm
Phương tiện vận tải	06 - 12 năm
Thiết bị quản lý	03 - 15 năm

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình***Phần mềm máy vi tính*

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 03 năm.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng (+) các chi phí cho đến bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn. Quyền sử dụng đất đơn vị đang trích khấu hao trong thời gian 18 năm.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc kế toán Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/06/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán Chi phí trả trước (Tiếp theo)**

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản chi phí trả trước có thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn, khoản chi phí trả trước có thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm: Phí kiểm định xe ô tô, phí sử dụng đường bộ và đăng kiểm xe được phân bổ trong thời gian 12 tháng; Bảo hiểm thân vỏ xe được phân bổ trong thời gian 12 tháng; Giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng được phân bổ trong thời gian dưới 3 đến 12 tháng; Chi phí phần mềm và chi phí phân bổ khác được phân bổ trong thời gian từ 6 đến 12 tháng

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm: Công cụ dụng cụ giá trị lớn và phần mềm kế toán được phân bổ trong thời gian 24 tháng đến 36 tháng; Chi phí cấp phép xả thải được phân bổ trong thời gian 36 tháng; Chi phí sửa chữa TSCĐ được phân bổ trong thời gian 24 tháng. Phí đăng ký gia hạn lưu hành sản phẩm được phân bổ trong thời gian 60 tháng và chi phí phân bổ khác được phân bổ từ 18 đến 24 tháng

**Nguyên tắc ghi nhận vay**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh trong quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) sau khi trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay này. Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Nguyên tắc ghi nhận Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ, nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc năm tài chính trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Đến thời điểm thực chi, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí phần chênh lệch với số đã trích (nếu có). Các khoản chi phí phải trả tại ngày kết thúc kỳ tài chính là trích trước chi phí lãi vay, chiết khấu, chi phí phải trả CBCNV, chi phí phải trả khác

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/06/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Doanh thu khác***

Doanh thu khác bao gồm doanh thu từ lãi tiền gửi, lãi chênh lệch tỷ giá, thu nhập từ nhập hàng vác xin và tiền hỗ trợ từ nhà cung cấp.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn. Lãi chênh lệch tỷ giá, thu nhập từ nhập hàng vác xin và tiền hỗ trợ từ nhà cung cấp được ghi nhận trên cơ sở thực nhận.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã xuất bán hoặc đã cung cấp trong kỳ. Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có), gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, hàng tồn kho hao hụt, mất mát và khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí đi vay vốn lỗ chênh lệch tỷ giá và phí mở LC. Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) và các khoản chi phí tài chính khác trong kỳ được ghi nhận đầy đủ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/06/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập hiện hành của doanh nghiệp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ hiện hành (20%).

Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong kỳ và hoãn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các kỳ trước.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoãn lại trong tương lai tính trên các khoản: Chênh lệch tạm thời được khấu trừ; Giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng; và giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng.

Việc hoãn nhập các chênh lệch tạm thời được khấu trừ dẫn đến sự giảm trừ khi xác định lợi nhuận tính thuế trong tương lai. Công ty sẽ chỉ được hưởng lợi ích kinh tế dưới hình thức giảm trừ các khoản nộp thuế nếu có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể bù trừ với phần giảm trừ đó. Do vậy, Công ty chỉ ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại khi chắc chắn có lợi nhuận tính thuế để sử dụng các chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Việc có lợi nhuận tính thuế để sử dụng các chênh lệch tạm thời được khấu trừ được coi là chắc chắn khi có đủ các chênh lệch tạm thời chịu thuế liên quan đến cùng một cơ quan quản lý thuế của Công ty.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Lãnh đạo phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Lãnh đạo nhưng số liệu thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/06/2022

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

#### **Các Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### **Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Lãnh đạo cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh hàng hóa, dịch vụ và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Các chỉ tiêu được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND).

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

		<u>Ngày 30/06/2022</u>	<u>Ngày 01/01/2022</u>
Tiền mặt tại quỹ	(i)	908,364,477	686,504,535
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	(ii)	5,552,970,065	5,376,870,095
Các khoản tương đương tiền	(iii)	20,047,000,000	11,741,000,000
<b>Cộng</b>		<b><u>26,508,334,542</u></b>	<b><u>17,804,374,630</u></b>

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ bao gồm:

		<u>Ngày 30/06/2022</u>	<u>Ngày 01/01/2022</u>
Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I		147,371,130	158,583,631
Công ty TNHH Thuốc Thú y TW 1		760,993,347	527,920,904
<b>Cộng</b>		<b><u>908,364,477</u></b>	<b><u>686,504,535</u></b>

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại bao gồm:

		<u>Ngày 30/06/2022</u>	<u>Ngày 01/01/2022</u>
Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I		46,686,531	170,527,695
Công ty TNHH Thuốc Thú y TW 1		5,506,283,534	5,206,342,400
<b>Cộng</b>		<b><u>5,552,970,065</u></b>	<b><u>5,376,870,095</u></b>

(iii) Số dư các khoản tương đương tiền

		<u>Ngày 30/06/2022</u>	<u>Ngày 01/01/2022</u>
Công ty TNHH Thuốc Thú y TW 1		20,047,000,000	11,741,000,000
<b>Cộng</b>		<b><u>20,047,000,000</u></b>	<b><u>11,741,000,000</u></b>

		<u>Ngày 30/06/2022</u>	<u>Ngày 01/01/2022</u>
<b>Ngoại tệ các loại:</b>			
<b>Dollar Mỹ (USD)</b>			
Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I		569.17	575.77
Công ty TNHH Thuốc Thú y TW 1		397.93	411.13

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ

Các chỉ tiêu được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND).

#### 2. Phải thu khách hàng

##### 2.1 Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	Ngày 30/06/2022		Ngày 01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung Ương I	1,715,862,633	(1,715,862,633)	1,795,757,133	(1,715,862,633)
Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung Ương I	1,040,177,670	(1,040,177,670)	1,120,072,170	(1,040,177,670)
<i>Công ty CP giống vật nuôi &amp; cây trồng:</i>	79,818,093	(79,818,093)	79,818,093	(79,818,093)
<i>Các đối tượng khác</i>	960,359,577	(960,359,577)	974,977,600	(895,083,100)
Chi nhánh CTCP Thuốc Thú y TWI tại Đà Nẵng	202,160,483	(202,160,483)	202,160,483	(202,160,483)
- Đại Lý Nguyễn Quang	73,912,501	(73,912,501)	73,912,501	(73,912,501)
- Nguyễn Ngọc Cường	32,546,627	(32,546,627)	32,546,627	(32,546,627)
<i>Các đối tượng khác</i>	95,701,355	(95,701,355)	95,701,355	(95,701,355)
Chi nhánh CTCP Thuốc Thú y TWI tại Hồ Chí Minh	473,524,480	(473,524,480)	473,524,480	(473,524,480)
- Trần Thị Nhung	57,573,810	(57,573,810)	57,573,810	(57,573,810)
- Lê Thị Hương	40,525,540	(40,525,540)	40,525,540	(40,525,540)
- Lê Đức Hùng	65,716,994	(65,716,994)	65,716,994	(65,716,994)
<i>Các đối tượng khác</i>	309,708,136	(309,708,136)	309,708,136	(309,708,136)
<b>Công ty TNHH Thuốc Thú y TW 1</b>	<b>10,190,866,743</b>	<b>(1,568,793,545)</b>	<b>15,703,828,327</b>	<b>(1,715,862,633)</b>
Công ty cổ phần chăn nuôi MAVIN	1,028,365,376		1,295,380,524	
Công Ty TNHH Advance Pharma Việt Na	849,712,918		468,058,500	
Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P Việt Nam	754,299,000		11,827,587,975	
Các đối tượng khác	7,558,489,449	(1,568,793,545)	2,112,801,328	
<b>Cộng</b>	<b>11,906,729,376</b>	<b>(3,284,656,178)</b>	<b>15,703,828,327</b>	

##### 2.2 Phải thu của khách hàng dài hạn

	Ngày 30/06/2022	Ngày 01/01/2022
Công ty TNHH Thuốc Thú Y TW 1	14,793,129,132	14,793,129,132
<b>Cộng</b>	<b>14,793,129,132</b>	<b>14,793,129,132</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****2. Phải thu khách hàng (Tiếp theo)****2.2. Phải thu khách hàng với các bên có liên quan**

Chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính mục VII.1 - Thông tin với các bên có liên quan.

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn****3.1. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Ngày 30/06/2022		Ngày 01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Thuốc Thú y TW I	148,015,900		362,112,850	
Công ty cổ phần và Phát triển công nghiệp Tiến Đạt			311,743,850	
- Công ty CP Tư vấn Thiết kế và DT XD Đông Thịnh	33,319,000		33,319,000	
CÔNG TY TNHH LẮP MÁY ĐIỆN NƯỚC VÀ THƯƠNG MẠI VẠN LỘC	63,636,000			
Công ty TNHH Thu Phí Tự Động VETC	8,054,000			
- Các đối tượng khác	43,006,900		17,050,000	
Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I	679,354,252	(679,354,252)	679,354,252	(679,354,252)
- Công ty CP Công nghệ Hoàng Hải	549,354,252	(549,354,252)	549,354,252	(549,354,252)
- Công ty CP DT XD&TM Ao Sen	130,000,000	(130,000,000)	130,000,000	(130,000,000)
<b>Cộng</b>	<b>827,370,152</b>	<b>(679,354,252)</b>	<b>1,041,467,102</b>	<b>(679,354,252)</b>

**3.2. Trả trước người bán với các bên có liên quan**

Chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính mục VII.1 - Thông tin với các bên có liên quan.

**4. Các khoản phải thu khác****4.1. Phải thu khác ngắn hạn**

	Ngày 30/06/2022		Ngày 01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH thuốc thú y TW I	474,153,116		115,989,325	
- Các khoản chi hệ Bảo hiểm xã hội	86,449,550		86,378,600	
Phải thu tạm ứng	380,032,280		20,787,375	
Phải thu Thuế TNCN lãi vay đã trả	4,653,350		4,653,350	
- Phải thu khác	3,017,936		4,170,000	
Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I	3,329,065,826	(2,691,686,118)	637,379,708	(2,691,686,118)
- Tạm ứng	25,484,148	(25,484,148)	25,484,148	(25,484,148)
- Phải thu khác	3,303,581,678	(2,666,201,970)	3,303,581,678	(2,666,201,970)
CN CTCP Thuốc Thú y TWI tại Hồ Chí Minh	814,709,474	(814,709,474)	814,709,474	(814,709,474)
- Phải thu khác	515,500,982	(515,500,982)	515,500,982	(515,500,982)
CN CTCP Thuốc Thú y TWI tại Đà Nẵng	1,545,358	(1,545,358)	1,545,358	(1,545,358)
Tạm ứng	1,545,358	(1,545,358)	1,545,358	(1,545,358)
<b>Cộng</b>	<b>4,619,473,774</b>	<b>(3,507,940,950)</b>	<b>1,569,623,865</b>	<b>(3,507,940,950)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG I**

Địa chỉ: Số 88, Trường Chinh, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính****kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022****4. Các khoản phải thu khác (Tiếp theo)****4.2. Phải thu khác dài hạn**

	Ngày 30/06/2022	Ngày 01/01/2022
Công ty TNHH Thuốc Thú y TW 1	19,965,000	19,965,000
- Ký cược, ký quỹ	19,965,000	19,965,000
<b>Cộng</b>	<b>19,965,000</b>	<b>19,965,000</b>

**4.3. Phải thu khác với các bên có liên quan**

Chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính mục VII.1 - Thông tin với các bên có liên quan.

**5. Nợ xấu**

	Ngày 30/06/2022		Ngày 01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu	Giá gốc	Giá trị có thể thu
Công ty TNHH Thuốc Thú y TW 1	<b>1,568,793,545</b>	-	1,594,823,259	-
- Công ty TNHH Dược thú y Nam Dương	386,359,818	-	386,359,818	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Biovet	81,761,832	-	81,761,832	-
- Công ty Cổ phần Thú y Thủy sản Trung ương	190,437,586	-	190,437,586	-
- Thái Duy Phúc	196,941,127	-	199,951,131	-
- Các đối tượng khác	713,293,182	-	736,312,892	-
Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I	5,903,157,835	-	5,903,157,835	-
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>1,715,862,633</b>	-	<b>1,715,862,633</b>	-
+ Đại lý Trần Văn Điệp	65,276,477	-	65,276,477	-
+ Đại lý Nguyễn Văn Thiên	29,920,213	-	29,920,213	-
+ Đại lý Nguyễn Quang	73,912,501	-	73,912,501	-
+ Đại lý Nguyễn Ngọc Cường	32,546,627	-	32,546,627	-
+ Các đối tượng khác	1,514,206,815	-	1,514,206,815	-
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>679,354,252</b>	-	<b>679,354,252</b>	-
+ Công ty CP Công Nghệ Hoàng Hải	549,354,252	-	549,354,252	-
+ Công ty CP ĐT XD&TM Ao Sen	130,000,000	-	130,000,000	-
+ Guangdong Dahuanong Animail health, Ltd	-	-	-	-
<b>Phải thu khác</b>	<b>3,181,702,952</b>	-	<b>3,181,702,952</b>	-
+ Nguyễn Huy Đức	629,034,000	-	629,034,000	-
+ Đỗ Hoàng Hòa	912,020,000	-	912,020,000	-
+ Mỹ Duy Thắng	320,664,196	-	320,664,196	-
+ Đặng Văn Dũng	284,486,568	-	284,486,568	-
+ Các đối tượng khác	1,035,498,188	-	1,035,498,188	-
<b>Tạm ứng</b>	<b>326,237,998</b>	-	<b>326,237,998</b>	-
+ Lê Đức Linh	-	-	-	-
+ Các đối tượng khác	326,237,998	-	326,237,998	-
<b>Cộng</b>	<b>7,471,951,380</b>	-	<b>7,497,981,094</b>	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****6. Các khoản đầu tư tài chính****6.1 Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Ngày 30/06/2022			Ngày 01/01/2022		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty CP Giống gia cầm Lương Mỹ	866,640,000	(866,640,000)	-	866,640,000	(866,640,000)	-
	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>866,640,000</b>	<b>(866,640,000)</b>	<b>-</b>	<b>866,640,000</b>	<b>(866,640,000)</b>	<b>-</b>

Biến động dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn trong kỳ như sau:

	Ngày 30/06/2022	ngày 01/01/2022
Dự phòng giảm giá các khoản ĐTDH đầu kỳ	(866,640,000)	(866,640,000)
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	-	-
Trừ: SD và hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản ĐTDH cuối kỳ	(866,640,000)	(866,640,000)

C.P.  
★